Người ký: CỤC THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG CHÍNH PHỦ
Email: thongtinchinhphu@chinhphu.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Thời gian ký: 27.10.2026 15:37:33 +07:00

VĂN BẢN HỢP NHẤT	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:116 /2026/VBHN-TT-NHNN	*Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026*

THÔNG TƯ

Quy định về thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô

Thông tư số 18/2025/TT-NHNN ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 9 năm 2025, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 55/2026/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2026 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2025/TT-NHNN quy định về thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 14/2022/QH15;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư quy định về thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô[1].

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

---

[1] Thông tư số 55/2026/TT-NHNN có căn cứ ban hành như sau:

"Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 96/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 26/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 198/2026/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 18/2025/TT-NHNN quy định về thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô."

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định việc thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin phục vụ công tác giám sát hoạt động quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô (sau đây gọi là Hệ thống thông tin giám sát) để phục vụ công tác quản lý, cấp phép, thanh tra, giám sát đối với quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quỹ tín dụng nhân dân.

2. Tổ chức tài chính vi mô.

3. Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

4. Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

5. Đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước) có liên quan đến thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.

6. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.

Điều 3. Thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát trong từng thời kỳ, bao gồm các nhóm thông tin, báo cáo sau:

1. Thông tin, báo cáo do quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô cung cấp bao gồm:

a) Thông tin định danh về khách hàng vay và khách hàng gửi tiền;

b) Thông tin về người có liên quan của khách hàng vay;

c) Thông tin về hoạt động cho vay;

d) Thông tin về nhân sự;

đ) Thông tin về thành viên;

e) Thông tin về biện pháp bảo đảm tiền vay;

g) Thông tin về hoạt động xử lý nợ xấu nội bảng;

h) Thông tin ngoại bảng;

i) Báo cáo tài chính;

k) Thông tin khác.

2. Thông tin, báo cáo do Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực nơi quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính (sau đây gọi là Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực) cung cấp.

3. Thông tin từ các hệ thống thông tin do các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước quản lý:

a) Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước;

b) Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa;

c) Hệ thống thông tin tín dụng;

d) Hệ thống thông tin khác.

Điều 4. Phương thức cung cấp thông tin, báo cáo

1. Đối với thông tin, báo cáo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này:

a) Quỹ tín dụng nhân dân gửi thông tin, báo cáo qua Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

b) Tổ chức tài chính vi mô gửi thông tin, báo cáo thông qua Hệ thống báo cáo thống kê của Ngân hàng Nhà nước theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.

2. Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân chưa đáp ứng yêu cầu gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này, quỹ tín dụng nhân dân thực hiện như sau:

a) Gửi thông tin, báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

b) Hoàn thành nâng cấp hệ thống thông tin đảm bảo đáp ứng yêu cầu gửi thông tin, báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước chậm nhất 03 tháng sau khi Hệ thống thông tin giám sát chính thức đi vào hoạt động.

3. Trường hợp hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân có sự cố làm gián đoạn việc gửi thông tin, báo cáo:

a) Quỹ tín dụng nhân dân thông báo sự cố và gửi thông tin, báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

b) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân có khả năng xây dựng được thông tin, báo cáo và có kết nối mạng tới Ngân hàng Nhà nước, quỹ tín dụng nhân dân gửi thông tin, báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

c) Khi hoàn thành khắc phục sự cố, quỹ tín dụng nhân dân thông báo đã khắc phục sự cố bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực và thực hiện việc gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này chậm nhất trong vòng 24 giờ sau khi khắc phục được sự cố.

4. Đối với quỹ tín dụng nhân dân được kiểm soát đặc biệt, không có khả năng đáp ứng yêu cầu kết nối với Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này:

a) Quỹ tín dụng nhân dân thông báo về việc không có khả năng đáp ứng yêu cầu kết nối với Hệ thống thông tin giám sát và gửi thông tin, báo cáo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

b) Trường hợp quỹ tín dụng nhân dân có khả năng xây dựng được thông tin, báo cáo và có kết nối mạng tới Ngân hàng Nhà nước, quỹ tín dụng nhân dân gửi thông tin, báo cáo thông qua chức năng của Hệ thống thông tin giám sát theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.

5. Đối với các thông tin, báo cáo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này, Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cung cấp thông qua các chức năng trên Hệ thống thông tin giám sát theo Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát.

6. Các hệ thống thông tin quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này được kết nối, chia sẻ thông tin, báo cáo với Hệ thống thông tin giám sát bằng phương thức kỹ thuật phù hợp với từng hệ thống theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin.

Điều 5. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo

1. Định kỳ và thời hạn gửi thông tin, báo cáo được quy định chi tiết tại Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát.

2. Nếu ngày quy định cuối cùng của thời hạn gửi báo cáo trùng với ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết hoặc ngày nghỉ cuối tuần, thì thời hạn gửi báo cáo là ngày làm việc tiếp theo ngay sau ngày nghỉ lễ, nghỉ Tết, ngày nghỉ cuối tuần đó.

Điều 6. Quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo điện tử

1. Quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý báo cáo của tổ chức tài chính vi mô thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê.

2. Quy trình báo cáo, tra soát, xử lý báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân:

a) Hệ thống thông tin giám sát tự động kiểm tra, đối chiếu công thức tính toán, tính chính xác, tính hợp lý và sự tuân thủ các quy tắc dữ liệu được thiết lập sau khi nhận được thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này. Trường hợp kiểm tra thành công, thông tin, báo cáo được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát để khai thác, sử dụng. Trường hợp thông tin, báo cáo có sai sót, Hệ thống thông tin giám sát tự động gửi thông báo điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo điện tử theo quy định tại điểm a khoản này, quỹ tín dụng nhân dân phải kiểm tra, chỉnh sửa và gửi lại thông tin, báo cáo đã được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu;

c) Trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động việc gửi thông tin, báo cáo. Sau thời điểm Hệ thống thông tin giám sát khóa tự động,

trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của quỹ tín dụng nhân dân, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xem xét lý do chậm nộp và quyết định việc mở khóa thông tin, báo cáo trên Hệ thống thông tin giám sát để tiếp nhận thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân;

d) Trong quá trình khai thác, sử dụng thông tin, báo cáo, nếu phát hiện sai sót, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực gửi thông báo tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân và thực hiện mở khóa việc gửi thông tin, báo cáo đồng thời nêu rõ nguyên nhân quỹ tín dụng nhân dân phải gửi lại thông tin, báo cáo trong trường hợp thông tin, báo cáo đã khóa tự động. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tra soát điện tử, quỹ tín dụng nhân dân phải gửi lại thông tin, báo cáo.

3. Trường hợp thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân không áp dụng thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, quy trình báo cáo, kiểm duyệt, tra soát, xử lý thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân thực hiện theo quy trình sau:

a) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn gửi thông tin, báo cáo theo quy định tại Điều 5 Thông tư này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực thực hiện kiểm duyệt thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân. Trường hợp thông tin, báo cáo có sai sót, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực gửi thông báo tra soát điện tử cho quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo tra soát điện tử theo quy định tại điểm a khoản này, quỹ tín dụng nhân dân phải kiểm tra, chỉnh sửa và gửi lại thông tin, báo cáo đã được sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu;

c) Ngay sau khi nhận được thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân quy định tại điểm b khoản này, Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực kiểm duyệt thông tin, báo cáo của quỹ tín dụng nhân dân để cập nhật vào cơ sở dữ liệu của Hệ thống thông tin giám sát;

d) Thực hiện quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều này.

Điều 7. Yêu cầu đối với hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô

1. Lưu giữ, bổ sung cơ sở dữ liệu nghiệp vụ, bảo đảm quản lý đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của đơn vị.

2. Đảm bảo khả năng sẵn sàng kết nối, cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này.

3. Hệ thống thông tin của quỹ tín dụng nhân dân phải đáp ứng yêu cầu kết nối với Hệ thống thông tin giám sát theo tiêu chuẩn kỹ thuật được Ngân hàng Nhà nước ban hành.

Điều 8. Khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo

1. Đối với các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước:

a) Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát của quỹ tín dụng nhân dân đặt trụ sở chính trên địa bàn;

b) Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng được khai thác toàn bộ thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát của quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô;

c) Các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước có nhu cầu khai thác thông tin, báo cáo, sản phẩm đầu ra trên Hệ thống thông tin giám sát phải đăng ký bằng văn bản với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt.

2.[2] Đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam:

a) Việc chia sẻ thông tin, báo cáo cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được thực hiện thông qua việc kết nối giữa các hệ thống thông tin theo hướng dẫn của Cục Công nghệ thông tin;

b) Phạm vi chia sẻ thông tin, báo cáo:

(i) Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo phù hợp với quy định pháp luật về cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam;

(ii) Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam được chia sẻ thông tin, báo cáo để thực hiện nhiệm vụ đối với hệ thống quỹ tín dụng nhân dân theo quy định của pháp luật, bao gồm:

- Thông tin, báo cáo do quỹ tín dụng nhân dân cung cấp theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư này;

- Thông tin, báo cáo do Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực cung cấp về kết luận thanh tra, kết luận kiểm tra quỹ tín dụng nhân dân theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này và sản phẩm đầu ra liên quan đến tình hình thực hiện kiến nghị, khắc phục sau thanh tra, kiểm tra;

- Sản phẩm đầu ra được xây dựng trên cơ sở thông tin, báo cáo do quỹ tín dụng nhân dân cung cấp.

(iii) Ngoài các thông tin, báo cáo tại điểm b(ii) khoản này, khi có nhu cầu được chia sẻ thông tin, báo cáo, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam gửi văn bản cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng tổng hợp, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt;

c) Các đơn vị được chia sẻ thông tin, báo cáo phải sử dụng đúng mục đích, góp phần bảo đảm an toàn hệ thống quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô và an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng;

d) Trường hợp thông tin, báo cáo được chia sẻ có chứa dữ liệu cá nhân theo quy định pháp luật, các đơn vị được chia sẻ thông tin, báo cáo phải thực hiện quy

---

[2] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

định tại khoản 2 Điều 19 Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân và quy định pháp luật có liên quan.

3. Hệ thống thông tin giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo cho Kho dữ liệu chung của Ngân hàng Nhà nước.

4.[3] Tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi:

a) Khách hàng gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân được tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi của chính khách hàng gửi tiền đó trên cơ sở thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát và phải bảo mật thông tin cá nhân, thông tin tra cứu theo quy định của pháp luật;

b) Trường hợp kết quả tra cứu không khớp đúng, khách hàng gửi tiền phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

c) Thông tin không khớp đúng của khách hàng gửi tiền cung cấp là căn cứ để Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực xác minh, xử lý theo quy định pháp luật;

d) Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Hướng dẫn triển khai tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi theo quy định tại điểm a, b, c khoản này, bao gồm tối thiểu các nội dung sau:

(i) Hướng dẫn để khách hàng gửi tiền tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi;

(ii) Hướng dẫn để khách hàng gửi tiền cung cấp thông tin tra cứu không khớp đúng cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

(iii) Trách nhiệm tiếp nhận, xác minh, xử lý của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực;

(iv) Thời hạn tiếp nhận, xác minh, xử lý và thông báo kết quả cho khách hàng gửi tiền;

(v) Thời điểm bắt đầu thực hiện.

Điều 9. Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát và Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Giới thiệu tổng quan, các cấu phần của Hệ thống thông tin giám sát;

b) Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;

c) Nguyên tắc chung trong việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát;

d) An toàn hệ thống thông tin trong việc quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát;

---

[3] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

đ) Khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo từng cấu phần, mô tả các bước xử lý nghiệp vụ và đối tượng tham gia vào quy trình nghiệp vụ;

e) Trách nhiệm của các đơn vị;

g) Nội dung khác.

2. Cục Công nghệ thông tin ban hành Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát, tối thiểu bao gồm các nội dung sau:

a) Giới thiệu tổng quan hạ tầng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giám sát;

b) Phạm vi, trách nhiệm của người sử dụng, vận hành, quản trị Hệ thống thông tin giám sát;

c) Nguyên tắc chung trong việc quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát;

d) Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát;

đ) Quy trình xử lý sự cố;

e) Bảo mật thông tin, báo cáo trong quá trình thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm của các đơn vị;

h) Nội dung khác.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC ĐƠN VỊ

Điều 10. Trách nhiệm của Cục Công nghệ thông tin

1. Chủ trì xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện Hệ thống thông tin giám sát đảm bảo việc thu thập, khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định tại Thông tư này.

2. Hướng dẫn quỹ tín dụng nhân dân thực hiện quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2, điểm b khoản 3 và điểm b khoản 4 Điều 4 Thông tư này.

3. Hướng dẫn tổ chức tài chính vi mô thực hiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư này.

4. Hướng dẫn việc thực hiện kết nối, thu thập thông tin từ các hệ thống thông tin quy định tại khoản 6 Điều 4 Thông tư này.

5. Đầu mối xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư này.

6. Đảm bảo khả năng khai thác thông tin, báo cáo của các đơn vị trên Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư này.

7. Đảm bảo bảo mật thông tin, báo cáo và khả năng sẵn sàng kết nối, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

8. Đầu mối xây dựng, ban hành Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

9. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

10. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 11 Thông tư này.

11.[4] Đầu mối phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng đánh giá tác động đối với thiết kế của Hệ thống thông tin giám sát và khảo sát quỹ tín dụng nhân dân về thời gian nâng cấp hệ thống thông tin, đáp ứng yêu cầu kết nối để cung cấp thông tin, báo cáo khi sửa đổi, bổ sung, thay thế Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát.

12.[5] Đầu mối phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng và các đơn vị liên quan triển khai quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này:

a) Nghiên cứu, xây dựng giải pháp kỹ thuật và tổ chức triển khai chức năng tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi cho khách hàng gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân;

b) Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Hướng dẫn triển khai tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi;

c) Xây dựng, triển khai giải pháp kỹ thuật để lưu trữ, xử lý, tổng hợp, khai thác kết quả tra cứu thông tin của khách hàng gửi tiền tại quỹ tín dụng nhân dân.

13.[6] Áp dụng các biện pháp kỹ thuật phù hợp nhằm bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân trong quá trình lưu trữ, truyền nhận và chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn thông tin mạng và các quy định của Ngân hàng Nhà nước trong trường hợp Hệ thống thông tin giám sát chia sẻ thông tin, báo cáo có chứa dữ liệu cá nhân cho Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

Điều 11. Trách nhiệm của Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng

1. Đầu mối trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Danh mục thông tin, báo cáo cung cấp cho Hệ thống thông tin giám sát.

2.[7] Đầu mối tiếp nhận văn bản của các đơn vị quy định tại khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13, khoản 1 Điều 14, khoản 4 Điều 16 và phối hợp với Cục Công nghệ thông tin đánh giá sự cần thiết, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xử lý.

3. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

---

[4] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[5] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[6] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 2 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[7] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 3 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

4. Đầu mối phối hợp Cục Công nghệ thông tin trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc thông tin, báo cáo cụ thể của quỹ tín dụng nhân dân áp dụng theo quy trình quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này và thông báo cho Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực.

5.[8] Đầu mối tiếp nhận đăng ký khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo theo quy định tại điểm c khoản 1, điểm b(iii) khoản 2 Điều 8 Thông tư này, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước phê duyệt và thông báo cho các đơn vị.

6. Đầu mối xây dựng, trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

7. Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin thực hiện kết nối, thu thập thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát với Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa.

8. Đầu mối xử lý khó khăn, vướng mắc trong việc thực hiện Thông tư này.

9.[9] Phối hợp với Cục Công nghệ thông tin thực hiện quy định tại khoản 11, khoản 12 Điều 10 Thông tư này.

10.[10] Định kỳ hằng tháng, trên cơ sở tổng hợp kết quả tra cứu thông tin của khách hàng gửi tiền quy định tại khoản 4 Điều 8 Thông tư này, phối hợp với Cục Công nghệ thông tin tổng hợp, báo cáo Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 12. Trách nhiệm của Thanh tra Ngân hàng Nhà nước

1.[11] Đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng) về việc bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 3 Thông tư này; công thức kiểm tra; sản phẩm đầu ra; cách thức tính toán thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. Văn bản gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng cần nêu rõ sự cần thiết và chi tiết các đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

3. Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này của tổ chức tài chính vi mô.

4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Điều 13. Trách nhiệm của Cục Quản lý, giám sát tổ chức tín dụng

---

[8] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 3 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[9] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[10] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 3 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[11] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

1.[12] Đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng) về việc bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 3 Thông tư này; công thức kiểm tra; sản phẩm đầu ra; cách thức tính toán thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. Văn bản gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng cần nêu rõ sự cần thiết và chi tiết các đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Giám sát việc thực hiện Thông tư này của tổ chức tài chính vi mô.

3. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này.

Điều 14. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực

1.[13] Đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng) về việc bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 3 Thông tư này; công thức kiểm tra; sản phẩm đầu ra; cách thức tính toán thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. Văn bản gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng cần nêu rõ sự cần thiết và chi tiết các đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Thông tư này của quỹ tín dụng nhân dân.

3. Thực hiện trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo cho Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này; thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 4 và Điều 6 Thông tư này.

4. Phối hợp với Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng xây dựng Quy chế quản lý, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này; phối hợp với Cục Công nghệ thông tin xây dựng Quy trình quản trị, vận hành Hệ thống thông tin giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Thông tư này.

5.[14] Yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân thông báo cho khách hàng gửi tiền, công khai tại trụ sở, phòng giao dịch, trên trang thông tin điện tử (nếu có); phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã để thông tin, tuyên truyền trên phương tiện truyền thông của xã nơi có quỹ tín dụng nhân dân hoạt động về việc khách hàng gửi tiền có thể tra cứu thông tin liên quan đến tiền gửi theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

---

[12] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[13] Khoản này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[14] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

6.[15] Yêu cầu quỹ tín dụng nhân dân cung cấp thông tin để thực hiện quy định tại điểm d(iii) khoản 4 Điều 8 Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của các đơn vị khác thuộc Ngân hàng Nhà nước

Các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước được Thống đốc Ngân hàng Nhà nước giao quản lý các Hệ thống thông tin theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư này có trách nhiệm phối hợp với Cục Công nghệ thông tin trong quá trình kết nối, thu thập thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát.

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị được khai thác, chia sẻ thông tin, báo cáo

1. Sử dụng thông tin, báo cáo để thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng thông tin, báo cáo đúng mục đích và tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo mật thông tin.

3. Trong quá trình khai thác thông tin, báo cáo, nếu phát hiện bất thường, các đơn vị có văn bản thông báo cho Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng để phối hợp với Cục Công nghệ thông tin kiểm tra, xử lý.

4.[16] Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (qua Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng) về việc bổ sung, sửa đổi hoặc bãi bỏ thông tin, báo cáo quy định tại Điều 3 Thông tư này; công thức kiểm tra; sản phẩm đầu ra; cách thức tính toán thông tin, báo cáo của Hệ thống thông tin giám sát. Văn bản gửi Cục An toàn hệ thống các tổ chức tín dụng cần nêu rõ sự cần thiết và chi tiết các đề xuất Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH[17]

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2025.

2. Quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô cung cấp thông tin, báo cáo theo quy định và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê trong thời gian Hệ thống thông tin giám sát chưa vận hành.

Điều 18. Tổ chức thực hiện

---

[15] Khoản này được bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 6 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[16] Khoản này được bổ sung theo quy định tại Điều 7 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

[17] Điều 8 và Điều 9 của Thông tư số 55/2026/TT-NHNN, có hiệu lực kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2026 quy định như sau:

"Điều 8. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 11 năm 2026.

Điều 9. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./."

Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Thông tư này./.

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM

XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2026

KT. THỐNG ĐỐC
PHÓ THỐNG ĐỐC

Đoàn Thái Sơn

Nơi nhận:
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Vụ Pháp chế (để đăng trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật);
- Văn phòng (để đăng trên Cổng thông tin điện tử NHNN VN);
- Lưu: VP, PC1.